

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HS - ST

Ngày 02 - 12 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thành Vân.

2. Ông Tòng Văn Toán.

- Thư ký phiên tòa:

Ông Trần Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Mã.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa:

Ông Trần Thanh Quân - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 15/2020/HSST ngày 22 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST - HS ngày 06 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lò Văn A - Sinh năm 1991; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản D, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông Lò Văn P và bà Lò Thị H1; Có vợ là Quàng Thị T và có 02 con (con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2017); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/4/2020 đến ngày 26/6/2020 được tại ngoại cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Lò Văn B - Sinh năm 1990; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản D, xã M, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông Lò Văn K1 và bà Lò Thị G; Có vợ là Lò Thị P và có 02 con (con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2013); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/4/2020 đến ngày 26/6/2020 được tại ngoại cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Nguyên đơn dân sự: Cộng đồng bản D, xã M, huyện S có đại diện là ông Lò Văn C- Trưởng bản. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Lò Thị P, sinh năm 1992. Trú tại: Bản D, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.
2. Lò Văn H, sinh năm 1980. Trú tại: Bản D, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.
3. UBND xã M, huyện S, có đại diện là ông Quảng Đình K - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vì cần gỗ để làm nhà nên trong khoảng thời gian từ tháng 6/2019 đến tháng 3/2020 Lò Văn A, Lò Văn B, Lò Thị P, Lò Văn H có hành vi lên rừng phòng hộ thuộc địa phận bản D, xã M khai thác lâm sản cụ thể các lần như sau:

1. Khoảng tháng 6/2019 Lò Văn B một mình mang theo một chiếc cưa máy của gia đình, một can xăng và một can nhót đi vào trong rừng thuộc bản D dùng cưa cắt hạ 01 cây gỗ ở phía tả luy âm của đường mòn trong rừng có đường kính gốc 0,5 mét. Sau khi cắt đứt gốc, B để cây lại rừng rồi quay về nhà. Đến cuối tháng 7/2019, B rủ vợ là Lò Thị P cùng quay lại cây gỗ đã cắt hạ trước đó để xẻ, P dùng dây dù mang theo nhúng vào mực chế từ lõi pin đèn, bắt mực vào thân cây còn B dùng cưa máy xẻ thẳng theo đường mực. Sau một ngày, hai vợ chồng B xẻ được 09 hộp gỗ có kích thước lần lượt là 2,19m x 0,4m x 0,09m; 2,48m x 0,35m x 0,11m; 2,4m x 0,3m x 0,1m; 2m x 0,25m x 0,11m; 1,96m x 0,2m x 0,09m; 1,94m x 0,32m x 0,11m; 2,45m x 0,35m x 0,1m; 2,45m x 0,34m x 0,1m và 1,95m x 0,3m x 0,11m.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định vị trí khai thác cây gỗ có tọa độ E00474408 - N02319112 thuộc lô 1, khoảnh 3, tiểu khu 698. Cây có khối lượng lâm sản quy tròn là 1,422 m³, tiến hành thu mẫu để giám định ký hiệu là HT6.

2. Khoảng tháng 12/2019 Lò Văn H mang theo 01 chiếc máy cưa lam xích nhãn hiệu Huspanda Chainsaw 5200 mượn của Tòng Văn Ng (trú tại bản L, xã K, Ng là em vợ của H) từ trước đó đến khu rừng thuộc bản D- M cắt hạ được 01 cây gỗ tròn có đường kính gốc 0,57 mét, rồi xẻ thân cây được 20 hộp gỗ có kích thước tương tự nhau là 2m x 0,25m x 0,02m và dùng xe chở hết về nhà. Sau đó Lò Thị Quyết (chị dâu H) ở cùng bản làm nhà không có ván cốt pha nên H đã cho Quyết toàn bộ số gỗ trên để làm cốt pha (toàn bộ số ván này hiện đã bị hư hỏng hết). Khi mượn máy cưa H không nói cho Ngoan biết sẽ sử dụng cưa vào việc chặt hạ gỗ.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định vị trí cây gỗ trên có tọa độ E00475344 - N02318414 thuộc lô 1, khoảnh 5, tiểu khu 698. Cây có khối lượng lâm sản quy tròn là 2,113 m³, thu mẫu để giám định ký hiệu là HT1.

3. Khoảng 07 giờ ngày 27/02/2020, Lò Văn A một mình đến khu rừng thuộc địa phận bản D – M tìm được 02 cây gỗ có đường kính gốc lần lượt là 0,65 mét và 0,5 mét, sau đó A quay về nhà. Đến 18 giờ ngày 28/02/2020 A đi đến nhà Lò Văn B để nhờ lên rừng xẻ gỗ thì B đồng ý. Khoảng 07 giờ sáng ngày 29/02/2020, A mang theo một chiếc máy cưa, một can xăng, một can nhớt; còn B điều khiển xe mô tô tự chế không có biển kiểm soát chở A lên vị trí hai cây gỗ mà A tìm được. Tại đây, A và B cắt hạ cây gỗ thứ nhất có đường kính gốc 0,65 mét rồi xẻ thân cây được 104 hộp gỗ có kích thước tương tự nhau là 1,05m x 0,25m x 0,03m, A đã mang về được 04 hộp; số còn lại vẫn để tại hiện trường.

Kết quả khám nghiệm hiện trường vị trí cây bị khai thác có tọa độ E00474214 - N02319107 thuộc lô 1, khoảnh 3, tiểu khu 698. Cây có khối lượng lâm sản quy tròn là 2,3 m³, thu mẫu giám định ký hiệu là HT4A.

Đến ngày 01/3/2020 A và B tiếp tục lên rừng cắt hạ cây gỗ thứ hai có đường kính gốc 0,5 mét, khi cắt hạ cây gỗ thì ngọn cây đổ đè lên cây gỗ bên cạnh có đường kính gốc 0,3 mét bị bật gốc và một cây gỗ có đường kính gốc 0,7 mét; B và A đã cắt hạ hai cây gỗ bị đè trên thành nhiều khúc, sau khi hạ xong ba cây, A và B xẻ thân cây thành 62 hộp gỗ có kích thước tương tự nhau là 1,05m x 0,25m x 0,03m (hiện vẫn để tại hiện trường).

Kết quả khám nghiệm vị trí khai thác 03 cây gỗ trên có tọa độ E00474164, N02319154 thuộc lô 1, khoảnh 3, tiểu khu 698. Trong đó cây gỗ có đường kính gốc 0,5 mét có khối lượng lâm sản quy gỗ tròn là 2,133 m³; Cây gỗ có đường kính gốc 0,3 mét có khối lượng lâm sản quy gỗ tròn là 0,977 m³; Cây có đường kính gốc 0,7 mét có khối lượng lâm sản quy tròn là 2,668 m³. Đã thu mẫu giám định ký hiệu lần lượt là HT4B1, HT4B2 và HT4B3.

4. Ngày 02/3/2020 A lại tiếp tục rủ B lên rừng để xẻ các cây gỗ khô còn sót lại đã bị đối tượng khác khai thác trước đó (gần khu vực khai thác ngày 29/02/2020 và ngày 01/3/2020), kết quả A và B xẻ được 14 tấm có kích thước 1,26m x 0,15m x 0,13m; 01 tấm có kích thước 1,04m x 0,32m x 0,11m; 01 tấm có kích thước 0,72m x 0,4m x 0,12m; 01 tấm có kích thước 0,72m x 0,36m x 0,11m; 01 tấm có kích thước 0,72m x 0,3m x 0,1m; 03 tấm có kích thước 0,72m x 0,23m x 0,1m; 45 tấm có kích thước 0,7m x 0,15m x 0,03m.

Khám nghiệm hiện trường xác định vị trí khai thác trên có tọa độ E00474164, N02319154 thuộc lô 1, khoảnh 3, tiểu khu 698. Tổng khối lượng lâm sản quy gỗ tròn là 1,051 m³, thu mẫu giám định ký hiệu là HT4B4. 50 tấm có cùng kích thước 1,05m x 0,25m x 0,03m, xác định vị trí tại hiện trường có tọa độ E00474119 - N02319160 thuộc lô 1, khoảnh 3, tiểu khu 698. Có khối lượng lâm sản quy gỗ tròn là 0,630 m³, thu mẫu giám định ký hiệu là HT5.1. (Tất cả số gỗ trên hiện vẫn để tại hiện trường).

- Kết luận giám định rừng ngày 10/8/2020 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Sơn La và các biên bản khám nghiệm hiện trường thì vị trí các cây gỗ bị chặt hạ trên

địa phận xã M - S có các tọa độ là: E00474408 - N02319112; E00474164 - N02319154, E00474214 - N02319107, E00474164 - N02319154, E00474164 - N02319154 đều thuộc lô 1, khoảnh 3, tiểu khu 698 và tọa độ E00475344 - N02318414 thuộc lô 1, khoảnh 5, tiểu khu 698 là rừng Phòng hộ, loại rừng thuộc trạng thái HG1 rừng hỗn giao gỗ tre, là rừng tự nhiên.

- Kết luận giám định số 130/CNR-VP ngày 26/3/2020 của Viện nghiên cứu công nghiệp rừng thuộc Viện khoa học lâm nghiệp Việt Nam kết luận: **“Mẫu gửi giám định ký hiệu HT1** có tên Việt Nam là Côi núi, tên khoa học là *Antidesma*, tên khoa học *Antidesma ghaesembilla* Gaertn, nhóm gỗ VII; **Mẫu gửi giám định ký hiệu HT2 và HT5.2** có tên Việt Nam là Ràng ràng quả dày, tên khoa học *Ormosia inflata* Merr. & Chun nhóm gỗ VI; **Mẫu gửi giám định ký hiệu HT3** tên Việt Nam là Vối thuốc bạc, tên khoa học *Schima argentea* Pritz. Ex Dials, nhóm gỗ VI; **Mẫu gửi giám định ký hiệu HT4A và HT4B1** tên Việt Nam là Xoan quả to, tên khoa học *Melia toosendan* Sieb. & Zucc; nhóm gỗ VI; **Mẫu gửi giám định ký hiệu HT4B2, HT4B4 và HT5.1** tên Việt Nam là Phay, tên khoa học là *Duabanga grandiflora* (Roxb.ex DC.) Walp. Nhóm gỗ VI; **Mẫu gửi giám định ký hiệu HT4B3** tên Việt Nam là Trôm quạt, tên khoa học *Sterculia hypochrea* Pierre, nhóm gỗ VIII; **Mẫu gửi giám định ký hiệu HT6** có tên Việt Nam là Giổi lông, tên khoa học *Michelia balansea* (DC.) Dandy, nhóm gỗ IV. 07 loài gỗ giám định nêu trên không có tên trong “Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được bảo vệ” ban hành kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ và “Danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm” ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ”.

- Kết luận định giá tài sản số 18/KL ngày 09/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện Sông Mã, kết luận:

“01 (một) cây gỗ Côi núi có khối lượng lâm sản là 2,311 m³ thuộc nhóm VII (ký hiệu HT1) giá trị 6.470.800 đồng.

01 (một) cây gỗ Ràng ràng quả dày có khối lượng lâm sản là 12,053 m³, thuộc nhóm VII (ký hiệu HT2), giá trị 33.748.400 đồng.

01 (một) cây gỗ Vối thuốc bạc có khối lượng lâm sản là 1,261 m³, thuộc nhóm VI (ký hiệu HT3), giá trị 3.278.600 đồng.

01 (một) cây gỗ Xoan quả to có khối lượng lâm sản là 2,3 m³ thuộc nhóm VI (ký hiệu HT4A), giá trị 7.820.000 đồng.

01 (một) cây gỗ Xoan quả to có khối lượng lâm sản 2,133 m³, thuộc nhóm VI (ký hiệu HT4B1) giá trị 7.252.200 đồng.

01 (một) cây gỗ Phay có khối lượng lâm sản là 0,977m³, thuộc nhóm VI (ký hiệu HT4B2), giá trị 2.002.850 đồng.

01 (một) cây gỗ Trôm quạt có khối lượng lâm sản là 2.668 m³, thuộc nhóm VIII (ký hiệu HT4B3), giá trị 7.470.400 đồng.

66 (sáu mươi sáu) hộp gỗ Phay có khối lượng lâm sản quy tròn là 1,051 m³, thuộc nhóm VI (ký hiệu HT4B4), giá trị 2.154.550 đồng.

01 (một) cây gỗ Phay có khối lượng lâm sản là 20,440 m³ thuộc nhóm VI (ký hiệu HT5.1 - vị trí 2) giá trị 41.902.000 đồng. *(trong đó có 50 hộp gỗ Phay có khối lượng lâm sản quy tròn là 0,63 m³ thuộc nhóm VI (ký hiệu HT5.1 - vị trí 3) giá trị 1.291.500 đồng).*

01 (một) cây gỗ Ràng ràng quả dày có khối lượng lâm sản là 10,465 m³ thuộc nhóm VI (ký hiệu HT5.2), giá trị 29.302.000 đồng.

01 (một) cây gỗ Giỏi lông có khối lượng lâm sản là 1,422 m³ thuộc nhóm IV (ký hiệu HT6) giá trị 2.772.900 đồng.”

Như vậy, khối lượng lâm sản Lò Văn A, Lò Văn B cùng thực hiện khai thác 9,759 m³ gỗ có giá trị lâm sản là 27.991.500 đồng; Lò Văn B cùng vợ là Lò Thị P khai thác 1,422 m³ gỗ có giá trị lâm sản là 2.772.900 đồng; Lò Văn H khai thác 2,311 m³ gỗ có giá trị lâm sản là 6.470.800 đồng; Bên cạnh đó, số lâm sản chưa xác định được người khai thác là 43,589 m³ có giá trị lâm sản là 106.939.500 đồng.

Do có hành vi nêu trên tại bản Cáo trạng số 134/CT-VKSSM ngày 21 tháng 10 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện S đã truy tố Lò Văn A, Lò Văn B tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản theo điểm d khoản 1 Điều 232 BLHS.

Tại phiên toà kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, và đề nghị:

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 232, các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 36 BLHS xử phạt Lò Văn A từ 9 – 12 tháng cải tạo không giam giữ; Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 232, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 36 BLHS xử phạt Lò Văn B từ 9 – 12 tháng cải tạo không giam giữ; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Luật Lâm nghiệp, Luật bảo vệ và phát triển rừng, Nghị định 48/2007/NĐ – CP ngày 28/3/2007, Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo Lò Văn A, Lò Văn B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lò Thị P, Lò Văn H phải bồi thường thiệt hại tương ứng với thiệt hại đã gây ra.

- Về vật chứng vụ án:

Đối với 56,761 m³ gỗ quy tròn tiếp tục giao lại cho Ủy ban nhân dân xã M cùng ban quản lý bản D - M phối hợp quản lý theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: xe mô tô nhãn hiệu Wave không có biển kiểm soát, không có giấy tờ của Lò Văn B, 02 chiếc máy cưa xăng nhãn hiệu Husqvarna 365. Tịch thu tiêu hủy: 01 can nhựa màu trắng có nắp màu xanh, can thể tích 05 lít; 01 can nhựa màu vàng có nắp màu đỏ, can thể tích 05 lít.

- Về án phí: Các bị cáo, người có quyền nghĩa vụ liên quan Lò Thị P được miễn án phí, người có quyền nghĩa vụ liên quan Lò Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- Tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nguyên đơn dân sự.

Đại diện cộng đồng bản D, xã M trình bày tại phiên tòa: Số gỗ các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai thác thuộc rừng phòng hộ đã được giao cho cộng đồng bản D – M quản lý từ năm 2017 đến nay. Việc các bị cáo và người liên quan khai thác không được sự cho phép và nhất trí của cơ quan có thẩm quyền. Nay đại diện cộng đồng bản D, xã M không yêu cầu các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ phải bồi thường thiệt hại là trị giá số gỗ bị khai thác trái phép.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Lò Văn H vắng mặt tại phiên tòa có văn bản thể hiện ý kiến nhất trí với nội dung bản cáo trạng về hành vi của mình, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

- Lò Thị P trình bày tại phiên tòa: mặc dù biết là rừng phòng hộ và việc khai thác gỗ trong rừng phòng hộ là trái phép và vi phạm pháp luật nhưng do thiếu gỗ làm nhà nên vẫn cùng bị cáo Lò Văn B khai thác gỗ vào tháng 7/2019. Chị nhất trí với nội dung bản cáo trạng và không có ý kiến, đề nghị gì khác.

- Đại diện UBND xã M – S vắng mặt tại phiên tòa có văn bản thể hiện ý kiến nhất trí với các nội dung của vụ án và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, ngoài ra không có ý kiến và đề nghị gì khác.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, khi được nói lời sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Sông Mã, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các

hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về các chứng cứ xác định tội danh: Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau

Kết luận giám định rừng ngày 10/8/2020 và Công văn 521 ngày 17/9/2020 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Sơn La;

Sở cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp do UBND xã M và Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện S cấp ngày 01/3/2002;

Kết luận giám định số 130/CNR-VP ngày 26/3/2020 của Viện nghiên cứu công nghiệp rừng thuộc Viện khoa học lâm nghiệp Việt Nam kết luận: “**Mẫu gửi giám định ký hiệu HT1** có tên Việt Nam là Côi núi, tên khoa học là *Antidesma*, tên khoa học *Antidesma ghaesembilla* Gaertn, nhóm gỗ VI; **Mẫu gửi giám định ký hiệu HT4A và HT4B1** tên Việt Nam là Xoan quả to, tên khoa học *Melia toosendan* Sieb. & Zucc; nhóm gỗ VI; **Mẫu gửi giám định ký hiệu HT6** có tên Việt Nam là Giỏi lông, tên khoa học *Michelia balansea* (DC.) Dandy, nhóm gỗ IV; **Mẫu gửi giám định ký hiệu HT4B2, HT4B4 và HT5.1** tên Việt Nam là Phay, tên khoa học là *Duabanga grandiflora* (Roxb.ex DC.) Walp. Nhóm gỗ VI; **Mẫu gửi giám định ký hiệu HT4B3** tên Việt Nam là Trôm quạt, tên khoa học *Sterculia hypochrea* Pierre, nhóm gỗ VIII;”. Các loại gỗ nêu trên không có tên trong “Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được bảo vệ” ban hành kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ và “Danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm” ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ”;

Kết luận định giá tài sản số 18/KL ngày 09/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện S, kết luận:

+ 01 (một) cây gỗ Côi núi có khối lượng lâm sản là 2,311 m³ thuộc nhóm VII (ký hiệu HT1) giá trị 6.470.800 đồng.

+ 01 (một) cây gỗ Xoan quả to có khối lượng lâm sản là 2,3 m³ thuộc nhóm VI (ký hiệu HT4A), giá trị 7.820.000 đồng.

+ 01 (một) cây gỗ Giỏi lông có khối lượng lâm sản là 1,422 m³ thuộc nhóm IV (ký hiệu HT6) giá trị 2.772.900 đồng.

+ 01 (một) cây gỗ Xoan quả to có khối lượng lâm sản 2,133 m³, thuộc nhóm VI (ký hiệu HT4B1) giá trị 7.252.200 đồng.

+ 01 (một) cây gỗ Phay có khối lượng lâm sản là 0,977m³, thuộc nhóm VI (ký hiệu HT4B2), giá trị 2.002.850 đồng.

+ 01 (một) cây gỗ Trôm quạt có khối lượng lâm sản là 2.668 m³, thuộc nhóm VIII (ký hiệu HT4B3), giá trị 7.470.400 đồng.

+ 66 (sáu mươi sáu) hộp gỗ Phay có khối lượng lâm sản quy tròn là 1,051 m³, thuộc nhóm VI (ký hiệu HT4B4), giá trị 2.154.550 đồng.

+ 50 hộp gỗ Phay có khối lượng lâm sản quy tròn là 0,63 m³ thuộc nhóm VI (ký hiệu HT5.1) giá trị 1.291.500 đồng”.

Như vậy căn cứ vào các chứng cứ nêu trên xác định được số lượng gỗ các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lò Thị P, Lò Văn H khai thác trái phép trong rừng phòng hộ được giao cho Cộng đồng dân cư bản D, xã M, S quản lý, các loại gỗ bị khai thác không có tên trong “Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được bảo vệ” ban hành kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ – CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ và “Danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm” ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ – CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ, khối lượng lâm sản Lò Văn A, Lò Văn B cùng thực hiện khai thác 9,759 m³ gỗ có giá trị là 27.991.500 đồng; Lò Văn B cùng vợ là Lò Thị P khai thác 1,422 m³ gỗ (cây Giỏi lông) có giá trị là 2.772.900 đồng; Lò Văn H khai thác 2,311 m³ gỗ (cây Côi núi) có giá trị là 6.470.800 đồng.

Ngoài ra trên hiện trường còn số lâm sản chưa xác định được người khai thác là 43,589 m³ có giá trị là 106.939.500 đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã khai báo tại cơ quan điều tra, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án và hoàn toàn nhất trí với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã. Các bị cáo khẳng định việc khai báo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc đã thực hiện. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với lời khai của đại diện cộng đồng bản D- M và các chứng cứ tài liệu khác như: Kết quả định giá, kết quả khám nghiệm rừng, định giá rừng, kết quả giám định loại gỗ.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố các bị cáo về tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản theo điểm d khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Lò Văn A, Lò Văn B đã cùng nhau khai thác trái phép 9,759m³, B cùng Lò Thị P khai thác trái phép 1,422m³ gỗ, Lò Văn H khai thác trái phép 2,311m³ tại rừng phòng hộ được giao cho cộng đồng bản D - M – S quản lý. Các cây gỗ bị khai thác là các loài gỗ không có tên trong “Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được bảo vệ” ban hành kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ – CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ và “Danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm” ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ – CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ

Hành vi của Lò Văn A, Lò Văn B thực hiện đã phạm tội *Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự. Có mức hình phạt là phạt tiền

50.000.000đ đến 300.000.000đ, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên toà và tại cơ quan điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã bồi thường khắc phục hậu quả nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, theo quy định tại các điểm b, s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lò Văn B có bố đẻ được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Bị cáo A là người có hành vi rủ rê bị cáo B cùng thực hiện hành vi khai thác gỗ trái phép vào các ngày 29/02/2020, 01/3/2020, 02/3/2020 với tổng số gỗ khai thác được quy tròn là 9,759m³, nên giữ vai trò chính trong những lần khai thác này, bị cáo B giữ vai trò đồng phạm giúp sức tích cực. Tuy nhiên, bị cáo B còn cùng vợ là Lò Thị P thực hiện hành vi khai thác trái phép 1,422m³ gỗ. Do vậy, cần phải có một mức án tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo trên cơ sở phân hóa vai trò, trách nhiệm của từng bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội và tổng khối lượng gỗ đã khai thác trái phép.

Các bị cáo đã được tuyên truyền và ký cam kết hàng năm về chăm sóc, bảo vệ rừng, nhận thức được việc khai thác rừng phòng hộ trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện tội phạm. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến công tác quản lý, bảo vệ rừng phòng hộ, làm ảnh hưởng đến môi trường và hệ sinh thái tại địa phương, là nguyên nhân gián tiếp gây ra lũ lụt, xói mòn đất, bị pháp luật hình sự nghiêm cấm. Tuy nhiên khi lượng hình HĐXX căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để cho các bị cáo được cải tạo không giam giữ tại địa phương cũng bảo đảm biện pháp răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung, khấu trừ thu nhập:

Gia đình các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn không có tài sản gì có giá trị và các bị cáo sống chủ yếu bằng nghề trồng trọt, thu nhập theo mùa vụ không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tuy cộng đồng bản D – xã M là chủ rừng không yêu cầu các bị cáo và người liên quan phải bồi thường thiệt hại nhưng điểm a khoản 1 Điều 7 - Luật Lâm nghiệp quy định “Nhà nước đại diện chủ sở hữu đối với rừng thuộc sở hữu

toàn dân”, Điều 30 – Luật bảo vệ và phát triển rừng: *quy định về quyền, nghĩa vụ của cộng đồng dân cư thôn được giao rừng*. Khoản 4 Điều 8 – Nghị định 48/2007/NĐ – CP ngày 28/3/2007 quy định: “*Tiền bồi thường thiệt hại đối với người có hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại về rừng là số tiền mà người có hành vi vi phạm gây thiệt hại về rừng phải bồi thường cho Nhà nước, bao gồm giá trị về lâm sản và giá trị về môi trường của rừng bị thiệt hại*”. Do vậy các bị cáo và người có quyền, nghĩa vụ liên quan vẫn phải bồi thường để sung ngân sách Nhà nước giá trị thiệt hại theo kết quả định giá đối với số gỗ đã khai thác trái phép, nguyên tắc bồi thường được xác định theo quy định của Bộ luật Dân sự.

[7] Về các vấn đề khác có liên quan trong vụ án:

Đối với hành vi khai thác lâm sản trái phép của Lò Văn H và Lò Thị P do khối lượng gỗ H và P khai thác không đủ khối lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngày 18/9/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với H, P là phù hợp, đúng quy định.

Đối với chiếc xe mô tô tự chế không có biển kiểm soát, không có giấy tờ của Lò Văn H đã dùng làm phương tiện vận chuyển gỗ. Ngày 08/3/2020 H đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S. Ngày 18/8/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện S đã ra quyết định chuyển vật chứng đến Hạt kiểm lâm huyện S để xử lý hành chính là đúng quy định.

Đối với 01 chiếc máy cưa nhãn hiệu Huspanda Chainsaw 5200 của anh Tòng Văn Ngoan cho H mượn nhưng không biết H dùng để khai thác gỗ trái phép. Cơ quan CSĐT Công an huyện S đã ra Quyết định trao trả lại chiếc máy cưa trên cho anh Ngoan quản lý và sử dụng là có căn cứ chấp nhận.

Đối với số gỗ chưa xác định được đối tượng khai thác, Tòa án kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp tục xác minh làm rõ khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[8] Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave không có biển kiểm soát, không có giấy tờ, 02 chiếc máy cưa xăng nhãn hiệu Husqvarna 365 là tài sản các bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước. Đối với 01 can nhựa màu trắng có nắp màu xanh, can thể tích 05 lít; 01 can nhựa màu vàng có nắp màu đỏ, can thể tích 05 lít là tài sản đã cũ không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 56,761 m³ gỗ quy tròn là vật chứng vụ án và là tài sản thuộc sở hữu Nhà nước bị khai thác trái phép, hiện đang để tại hiện trường trong rừng phòng hộ thuộc bản D – xã M, vì không có phương án khả thi và kinh phí để vận chuyển số gỗ trên ra khỏi hiện trường nên cần tiếp tục giao lại cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện S cùng Cộng đồng dân cư bản D - M (chủ rừng) phối hợp quản lý theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lò Thị P gia đình thuộc hộ nghèo và đều có đơn xin được miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lò Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 232; Các điểm b, s, i khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Lò Văn A phạm tội: Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

- Xử phạt bị cáo Lò Văn A 12 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 02 tháng 23 ngày tạm giam = 08 tháng 09 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải thi hành tiếp là 03 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ.

* Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 232; Các điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Lò Văn B phạm tội: Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

- Xử phạt bị cáo Lò Văn B 12 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 2 tháng 23 ngày tạm giam = 08 tháng 09 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải thi hành tiếp là 03 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ.

* Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo tính từ ngày UBND xã M, huyện Sông Mã nhận được bản án và quyết định thi hành án cải tạo không giam giữ.

* Giao bị cáo Lò Văn A, Lò Văn B cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện S, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành án.

* Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lò Văn A, Lò Văn B.

Trong trường hợp người chấp hành án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 100 Luật thi hành án Hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 7 Luật Lâm nghiệp, Điều 30 Luật bảo vệ và phát triển rừng, khoản 4 Điều 8 Nghị định 48/2007/NĐ – CP ngày 28/3/2007; Căn cứ vào các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự

Buộc bị cáo Lò Văn A phải bồi thường để sung Ngân sách Nhà nước số tiền là 13.995.750đ nhưng khấu trừ số tiền đã bồi thường là 1.000.000đ (Một triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0004601 ngày 01/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã. Bị cáo Lò Văn A phải bồi thường tiếp là 12.995.750đ. Sung Ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000đ bị cáo

Lò Văn A đã nộp bồi thường theo biên lai thu số AA/2016/0004601 ngày 01/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã.

Buộc bị cáo Lò Văn B phải bồi thường để sung Ngân sách Nhà nước số tiền là 15.382.200đ nhưng khấu trừ số tiền đã bồi thường là 1.000.000đ (Một triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0004602 ngày 01/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã. Bị cáo Lò Văn B phải bồi thường tiếp là 14.382.200đ. Sung Ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000đ bị cáo Lò Văn B đã nộp bồi thường theo biên lai thu số AA/2016/0004602 ngày 01/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã.

Buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lò Thị P phải bồi thường để sung Ngân sách Nhà nước số tiền là: 1.386.450đ.

Buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lò Văn H phải bồi thường để sung Ngân sách Nhà nước số tiền là: 6.470.800đ.

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Các điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave, không có biển kiểm soát, không có số máy của bị cáo Lò Văn B.

+ 01 chiếc máy cưa nhãn hiệu Husqvarua 365, không xác định được số máy, không có phần lam xích.

+ 01 chiếc máy cưa nhãn hiệu Husqvarua 365, số máy HH1803001158, máy có gắn theo lam xích dài 83cm.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 can nhựa màu trắng có nắp màu xanh, nhãn hiệu Song Long.

+ 01 can nhựa màu vàng có nắp màu đỏ, không có nhãn hiệu.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/10/2020 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Mã.

- Giao 56,761 m³ gỗ quy tròn hiện đang để tại hiện trường trong rừng phòng hộ cho UBND xã M, S và Cộng đồng dân cư bản D – M (chủ rừng) cùng phối hợp quản lý theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Các Điều 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lò Văn H phải chịu 323.540đ án phí dân sự sơ thẩm;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Miễn án phí hình sự sơ thẩm,

dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn A, Lò Văn B. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lò Thị P.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nguyên đơn dân sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/12/2020); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

“Trường hợp quyết định về bồi thường dân sự này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

"Kể từ ngày bên có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án, bên có nghĩa vụ phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại các Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán".

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND huyện
- Công an huyện;
- Trại giam;
- THA hình sự ;
- CCTHA Dân sự;
- Sở TP;
- Bị cáo ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Nhung